TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2026/TCDS-ST
Ngày 28 - 04 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đỗ Quỳnh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Sơn Thạch;
2. Ông Lương Kiều Vũ.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Diệp Linh, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lào Cai

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai *tham gia phiên toà*: Không.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-TCDS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXX-ST ngày 02 tháng 03 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-TCDS ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1972; Số căn cước công dân 015172008462.

Trú tại: Thôn E, xã Y, tỉnh Lào Cai; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị P**, sinh năm 1966; số căn cước công dân 015166005434, anh **Đặng Doãn T1**, sinh năm 1966; số căn cước công dân 001066046628.

Trú tại: Số nhà D đường Đ, thôn A xã Y, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Do quen biết từ trước ngày 03/01/2017 chị P vay của chị T 02 lượng vàng SJC hẹn một năm sau trả, việc vay có lập thành văn bản chị P ký giấy nhận vay vàng.

Ngày 27 tháng 01 năm 2017 vay số tiền 10.000.000 đồng do quen biết chị T không lập thành văn bản việc vay tiền giữa hai bên mà chỉ ghi vào sổ theo rõi của chị T.

Ngày 10 tháng 02 năm 2017 vay số tiền 80.000.000 đồng do chị P bị tai nạn gẫy chân cần tiền để điều trị thời hạn vay là 10 ngày, chị T đã chuyển khoản số tiền vay vào số tài khoản 8700205119835 tài khoản của chị P.

Ngày 18 tháng 02 năm 2017 chị P, anh T1 vay số tiền 15.000.000 đồng, anh T1 là người nhận tiền và hẹn một tháng sau trả khoản tiền vay.

Tổng số tiền vay là 105.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC.

Quá trình vay chị P đã thanh toán được tổng cộng số tiền 24.000.000 đồng (trong đó ngày 28 tháng 4 năm 2018 thanh toán số tiền 15.000.000 đồng tính giá trị bằng bộ bàn ghế, năm 2022 thanh toán số tiền 5.000.000 đồng, cuối năm 2023 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng).

Yêu cầu tòa án giải quyết buộc chị Hoàng Thị P, anh Đặng Doãn T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 81.000.000 đồng (tám mươi mốt triệu đồng) không yêu cầu tính lãi, 02 (hai) lượng vàng SJC tạm tính giá trị khoảng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) căn cứ thời điểm vay người nhận tiền và vàng tôi yêu cầu cụ thể như sau:

- Đối với 2 lượng vàng SJC chị Hoàng Thị P là trực tiếp đến nhà viết giấy vay nợ vàng ngày 03 tháng 01 năm 2017; do đó chị P có nghĩa vụ hoàn trả tôi hai lượng vàng SJC.
- Đối với số tiền mặt vay ngày 18 tháng 02 năm 2017 do anh Đặng Doãn T1 là người trực tiếp đến vay và nhận tiền nên anh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.
- Đối với số tiền còn lại là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) chị Hoàng Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho tôi, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập chị P, anh T1 đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không có mặt, chị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp hợp vay tài sản, về thẩm quyền theo lãnh thổ nơi thực hiện hợp đồng, được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn chị P, anh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ điều luật áp dụng: Do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu đối với các hợp đồng vay tài sản theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét việc trả tiền gốc theo quy định của bộ luật dân sự.

[2.1] Đối với khoản tiền gốc: Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là 01 giấy xác nhận vay vàng ngày 03 tháng 01 năm 2017; 02 giấy vay tiền mặt, giấy vay ngày 27 tháng 01 năm 2017 và ngày 18 tháng 02 năm 2017; giấy nộp tiền chuyển khoản ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Đối với giấy vay vàng ngày 03 tháng 01 năm 2017 có nội dung chị Hoàng Thị P vay chị Trịnh Thị T 02 cây vàng SJC, hẹn một năm trả.

Đối với giấy vay tiền ngày 27 tháng 01 năm 2017 có nội dung chị Hoàng Thị P vay chị Trịnh Thị T số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền ngày 18 tháng 02 năm 2017 có nội dung anh Đặng Doãn T1 vay chị Trịnh Thị T số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng.

Đối với giấy nộp tiền ngày 10 tháng 02 năm 2017 có nội dung chị Trịnh Thị T chuyển khoản người nhận tiền chị Hoàng Thị P số tiền 80.000.000 đồng. Do các giao dịch dân sự trên đây là quan hệ pháp luật giao kết, sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét việc trả tiền gốc theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Chị P, anh T1 phải trả tiền gốc theo thỏa thuận khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

"*Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:*

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

[2.2] Xác định nghĩa vụ thanh toán:

Tổng số tiền chị P1 vay chị T là 90.000.000 đồng quá trình vay đã thanh toán số tiền 24.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 66.000.000 đồng. Đối với 02 lượng vàng SJC chị T yêu cầu tính giá trị tại thời điểm xét xử giá trị 01 lượng vàng là 168.000.000 đồng, 02 lượng vàng giá trị là 336.000.000 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 402.000.000 đồng (thanh toán trên nguyên tắc vay vàng trả vàng do đó chị P có nghĩa vụ trả 02 lượng vàng).

Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay là 15.000.000 đồng.

[3] Căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ xác định do quen biết từ trước chị Trịnh Thị T đã giao kết 04 hợp đồng vay tài sản, trong đó chị P vay của chị T tổng số tiền **90.000.000**, đồng *(Chín mười triệu) đồng và 02 lượng vàng (cây vàng) SJC*, anh Đặng Doãn T1 vay của chị T số tiền **15.000.000,đ** *(Mười lăm triệu) đồng*. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản, bị đơn chị P đã thanh toán số tiền gốc là 24.000.000 đồng đối với hai khoản tiền vay, do đó có đủ căn cứ khẳng định việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc theo quy định của pháp luật.

Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn, đối với chị P là 66.000.000 đồng và 02 (hai) lượng vàng SJC (giá trị là 336.000.000 đồng), anh T1 là15.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị T được trả lại án phí đã tạm ứng. Chị Hoàng Thị P, anh Đặng Doãn T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Tuyết .

2. Buộc chị Hoàng Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trịnh Thị T tổng số tiền 66.000.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu đồng) và 02 lượng vàng SJC.*

Buộc Đặng Doãn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trịnh Thị T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến khi thi hành xong bản án.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đối với 02 lượng vàng SJC trường hợp đương sự không trả được bằng hiện vật thì quy đổi giá trị bằng tiền tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T được trả lại số tiền án phí đã tạm ứng là 9.252.000 đồng *(Chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn)* đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001979 ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Chị Hoàng Thị P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.080.000 đồng *(Hai mươi triệu không trăm tám mươi nghìn)* đồng.

Anh Đặng Doãn T1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng.

4. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành*

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- T.H.A dân sự tỉnh;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- T.H.A dân sự tỉnh;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- T.H.A dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- T.H.A dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- T.H.A dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- T.H.ADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS,T.A,THS.

Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- T.H.ADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS,T.A,THS.

Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- T.H.ADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Xuân;
- Lưu HS,T.A,THS.

Trần Đăng Ninh